

Số: 19 /QĐ-TTĐD

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành thang điểm giá cung cấp sản phẩm
thông tin tín dụng đối với các tổ chức tín dụng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN TÍN DỤNG

- Căn cứ Quyết định số 68/1999/QĐ-NHNN9 ngày 27/02/1999 của Thống đốc NHNN V/v Thành lập Trung tâm Thông tin tín dụng;
 - Quyết định số 51/2007/QĐ-NHNN ngày 31/12/2007 Về việc ban hành Quy chế hoạt động thông tin tín dụng của Thống đốc NHNN Việt Nam;
 - Căn cứ Quyết định số 47/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007 Về mức thu dịch vụ thông tin tín dụng của Thống đốc NHNN Việt Nam;
 - Căn cứ Quyết định số 3289/2008/QĐ-NHNN ngày 31/12/2008 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin tín dụng; Quyết định 1086/QĐ-NHNN ngày 08/5/2009 Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trung tâm Thông tin tín dụng của Thống đốc NHNN;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế toán và Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển Trung tâm Thông tin tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thang điểm giá cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức khác đăng ký thành viên tham gia hệ thống thông tin tín dụng Ngân hàng nhà nước Việt Nam như sau:

1. Thang điểm giá:

STT	TÊN, LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SP	Đơn vị tính	Điểm giá
A	THÔNG TIN QUAN HỆ TÍN DỤNG (QHTD)			
1	Báo cáo QHTD khách hàng pháp nhân	R10	Bản	6
2	Báo cáo QHTD khách hàng thể nhân	R11	Bản	4
3	Thông tin QHTD theo lô - khách hàng pháp nhân	R12	Khách hàng	2
4	Thông tin QHTD theo lô - khách hàng thể nhân	R13	Khách hàng	1
B	THÔNG TIN BẢO ĐẢM TIỀN VAY			
1	Báo cáo thông tin tài sản đảm bảo khách hàng pháp nhân	R20	Bản	6
2	Báo cáo thông tin tài sản đảm bảo khách hàng thể nhân	R21	Bản	4

C	XẾP HẠNG TÍN DỤNG			
1	Báo cáo Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp	S50	Bản	50
2	Báo cáo Xếp hạng tín dụng tổng công ty, tập đoàn	S51	Điểm/đơn vị thành viên	30
3	Hỗ trợ Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp trực tuyến	S52	Bản	30
4	Báo cáo về doanh nghiệp mới chưa có thông tin tín dụng, chưa có báo cáo tài chính	S53	Bản	10
5	Thông tin xếp hạng tín dụng doanh nghiệp – E-Book	S54	Doanh nghiệp	1
D	CHẤM ĐIỂM TÍN DỤNG			
1	Chấm điểm tín dụng thể nhân trực tuyến	S60	Bản	1
2	Báo cáo chấm điểm tín dụng thể nhân	S61	Bản	2
E	BÁO CÁO CHI TIẾT VỀ KHÁCH HÀNG VAY			
1	Báo cáo chi tiết về khách hàng vay pháp nhân	S10	Bản	2
2	Báo cáo chi tiết về khách hàng vay thể nhân	S11	Bản	1
F	BẢN TIN TTTD			
1	Tin TTTD điện tử	R51	Bài	
G	THÔNG TIN CẢNH BÁO			
1	Bản tin cảnh báo về chi nhánh TCTD	S30	Bản	5
2	Bản tin cảnh báo về pháp nhân	S31	Bản	3
3	Bản tin cảnh báo về thể nhân	S32	Bản	2
4	Bản tin cảnh báo nhóm chi nhánh TCTD	S33	Điểm / chi nhánh	
5	Bản tin cảnh báo nhóm khách hàng pháp nhân	S34	Điểm/ khách hàng	
6	Bản tin cảnh báo nhóm khách hàng thể nhân	S35	Điểm/ khách hàng	

2. Đơn giá điểm báo cáo

2.1 Đơn giá điểm báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này là 10.000 đồng/điểm.

2.2 Khách hàng sử dụng bản báo cáo bằng tiếng Anh được tính bằng 115% số điểm của bản báo cáo tiếng Việt tương ứng.

Mức thu áp dụng cụ thể theo Phụ lục 01/TTTD ban hành kèm theo quyết định này.

3. Các trường hợp được giảm trừ tiền sử dụng sản phẩm TTTD

3.1 Báo cáo quan hệ tín dụng (R10, R11), báo cáo tài sản bảo đảm tiền vay (R20, R21): Giảm trừ 50% số điểm/báo cáo đối với trường hợp khách hàng chưa quan hệ tín dụng hoặc chưa đăng ký thông tin tài sản đảm bảo.

3.2 Báo cáo Xếp hạng tín dụng (S50): Giảm trừ do không đủ 03 năm báo cáo tài chính, trừ 10 điểm đối với mỗi năm tài chính bị thiếu.

4. Mức thu quản lý đơn vị sử dụng, người sử dụng và Bản tin TTĐD

4.1. Mỗi đơn vị sử dụng và tối đa 06 người sử dụng (không tính người sử dụng báo cáo số liệu), mức thu 2.000.000 đồng/năm (12 tháng, kể từ tháng ký hợp đồng).

4.2. Đơn vị sử dụng là các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, mức thu 1.000.000 đồng/năm.

4.3. Các đơn vị đăng ký trên 06 người sử dụng, từ người sử dụng thứ bảy, mỗi người sử dụng tăng thêm, mức thu là 150.000 đ/người sử dụng.

4.4 Bản tin thông tin tín dụng định kỳ (R50), mức thu 25.000 đồng/bản.

Điều 2. Giảm trừ tiền sử dụng các sản phẩm thông tin tín dụng có tính chia sẻ trong hệ thống (sản phẩm R1x, R2x) đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức khác có tham gia chia sẻ thông tin trong hệ thống thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: chấp hành tốt chế độ thông tin báo cáo theo Quyết định số 51/2007/QĐ-NHNN hoặc khai thác, sử dụng nhiều sản phẩm thông tin tín dụng nhóm R1x và R2x. Điều kiện và mức giảm trừ như sau:

STT	Điều kiện giảm trừ tiền sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng hàng tháng	Tỷ lệ giảm trừ
1.	Đơn vị sử dụng chấp hành tốt chế độ báo cáo theo Quyết định số 51/2007/QĐ-NHNN, có đủ các điều kiện sau:	3%
1.1	Về hồ sơ pháp lý của khách hàng có quan hệ tín dụng: - Báo cáo số lượng hồ sơ khách hàng khi có quan hệ tín dụng lần đầu hoặc khi có biến động, thay đổi thông tin về hồ sơ pháp lý đạt tỷ lệ từ 95% - 100%. - Gửi báo cáo đúng thời hạn quy định. - Hồ sơ pháp lý có đủ 100% các chỉ tiêu theo quy định.	
1.2	Thông tin về dư nợ của khách hàng: - Báo cáo thông tin về dư nợ của khách hàng vay đạt tỷ lệ từ 95% - 100%. - Gửi báo cáo đúng quy định (03 ngày một lần khi có thay đổi dư nợ và ngày làm việc cuối cùng của tháng). - Thông tin về dư nợ có đủ 100% các chỉ tiêu theo quy định.	
1.3	Thông tin về tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng: - Báo cáo số lượng hồ sơ khách hàng khi có quan hệ tín dụng lần đầu hoặc có thay đổi thông tin về tài sản bảo đảm tiền vay đạt tỷ lệ từ 95% - 100%. - Gửi báo cáo đúng thời hạn quy định; - Hồ sơ tài sản bảo đảm tiền vay có đủ 100% các chỉ tiêu theo quy định.	
1.4	Gửi đầy đủ các thông tin về tài chính, bảo lãnh cho khách hàng, thông tin về dư nợ thẻ tín dụng, thông tin về khách hàng có tổng dư nợ bằng hoặc hơn 15% vốn tự có theo quy định tại Quyết định số 51/2007/QĐ-NHNN và hướng dẫn của CIC.	

STT	Điều kiện giảm trừ tiền sử dụng sản phẩm thông tin tin dụng hàng tháng	Tỷ lệ giảm trừ
2	Đơn vị khai thác sử dụng nhiều sản phẩm quy định tại mục A, B điều 1, có mức tiền sử dụng trong tháng đạt:	
2.1	Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	3%
2.2	Trên 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	4%
2.3	Trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	5%
2.6	Trên 100.000.000 đồng	6%

Mức giảm trừ được tính trên tổng số tiền đơn vị phải trả khi khai thác sử dụng các sản phẩm thuộc nhóm R1x, R2x nếu có một trong hai hoặc cả hai điều kiện nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2010 và thay thế Quyết định số 14/QĐ-TTĐ5 ngày 29/01/2008 của Giám đốc Trung tâm thông tin tin dụng.

Điều 4. Các tổ chức tín dụng, tổ chức có hoạt động ngân hàng, tổ chức tham gia vào hệ thống thông tin tin dụng quy định tại điều 1; Ban giám đốc và các phòng thuộc Trung tâm thông tin tin dụng có trách nhiệm thực hiện quyết định này. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (Để thực hiện);
- PTĐ Nguyễn Đồng Tiến (Để báo cáo);
- Vụ TCKT (Để báo cáo);
- Lưu VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Công Uẩn

BẢNG THANG ĐIỂM VÀ GIÁ CUNG CẤP SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG

Đối với các Tổ chức tín dụng, tổ chức có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam

(Ban hành theo Quyết định số 19...../QĐ-TTĐD ngày 24/02/2010

của Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng)

STT	TÊN, LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SP	ĐVT	ĐIỂM	THÀNH TIỀN
A THÔNG TIN QUAN HỆ TÍN DỤNG (QHTD)					
1	Báo cáo QHTD của pháp nhân	R10	Bán	6	60.000
	Khách hàng chưa QHTD		Bán	3	30.000
2	Báo cáo QHTD của thể nhân	R11	Bán	4	40.000
	Khách hàng chưa QHTD		Bán	2	20.000
3	Thông tin QHTD theo lô - khách hàng pháp nhân	R12	Khách hàng	2	20.000
4	Thông tin QHTD theo lô - khách hàng thể nhân	R13	Khách hàng	1	10.000
B THÔNG TIN BẢO ĐẢM TIỀN VAY					
1	Báo cáo thông tin tài sản đảm bảo pháp nhân	R20	Bán	6	60.000
	Khách hàng chưa đăng ký thông tin TSBD		Bán	3	30.000
2	Báo cáo thông tin tài sản đảm bảo thể nhân	R21	Bán	4	40.000
	Khách hàng chưa đăng ký thông tin TSBD		Bán	2	20.000
XẾP HẠNG TÍN DỤNG					
1	Báo cáo Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp	S50	Bán	50	500.000
	Giảm trừ do không đủ 03 năm BCTC, mỗi năm BCTC		Năm tài chính	-10	-100.000
2	Báo cáo Xếp hạng tín dụng tập đoàn, tổng công ty	S51	Điểm/Đơn vị thành viên	30	300.000
3	Hỗ trợ Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp trực tuyến	S52	Bán	30	300.000
4	Báo cáo về doanh nghiệp mới chưa có thông tin tín dụng, chưa có báo cáo tài chính	S53	Bán	10	100.000
5	Thông tin xếp hạng tín dụng doanh nghiệp - E-Book	S54	Doanh nghiệp	10	100.000
D CHẤM ĐIỂM TÍN DỤNG					
1	Chấm điểm tín dụng thể nhân trực tuyến	S60	Bán	10	100.000
2	Báo cáo chấm điểm tín dụng thể nhân	S61	Bán	20	200.000

STT	TÊN SẢN PHẨM ĐANG THỰC HIỆN	MÃ SP	DVT	ĐIỂM	THÀNH TIỀN
E	BÁO CÁO CHI TIẾT KHÁCH HÀNG VAY				
1	Báo cáo chi tiết khách hàng vay pháp nhân	S10	Bản	20	200.000
2	Báo cáo chi tiết khách hàng vay thẻ nhân	S11	Bản	15	150.000
F	BẢN TIN TTTD				
1	Bản tin TTTD định kỳ	R50	Bản		25.000
2	Tin TTTD điện tử	R51	Bản	1	10.000
G	THÔNG TIN CẢNH BÁO				
1	Bản tin cảnh báo về chi nhánh TCTD	S30	Bản	50	500.000
2	Bản tin cảnh báo về pháp nhân	S31	Bản	30	300.000
3	Bản tin cảnh báo về thẻ nhân	S32	Bản	20	200.000
4	Bản tin cảnh báo về nhóm chi nhánh TCTD	S33	Điểm/chi nhánh	20	200.000
5	Bản tin cảnh báo về nhóm khách hàng pháp nhân	S34	Điểm/Khách hàng	10	100.000
6	Bản tin cảnh báo về nhóm khách hàng thẻ nhân	S35	Điểm/Khách hàng		80.000

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

GIẤY ĐỌC



Phạm Công Uẩn